

Bản án số: 237/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 5 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Duy Bảo

2. Ông Trần Xuân Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Chiến – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2025/HNGĐST ngày 27 tháng 03 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 187/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị Vân A, sinh năm 1991; Địa chỉ: xóm D, xã T (xã H cũ), huyện H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Hồ Đức L, sinh năm 1988; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: xóm D, xã T (xã H cũ), huyện H, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Hợp chúng quốc Hoa Kỳ (nước Mỹ). Vắng mặt (lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2025, Bản tự khai ngày 09/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Vân A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã T), huyện H, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 7 năm 2024, anh Hồ Đức L đi xuất khẩu lao động tại Hoa Kỳ (nước Mỹ). Từ đó, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khoảng cách địa lý, vợ chồng xa cách nhau, không có tiếng nói chung, không quan tâm nhau về vật chất lẫn tinh thần. Hiện nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hồ Đức L. Đồng thời, từ khi mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, anh L chỉ liên lạc về cho mẹ đẻ nên chị Vân A không biết được địa chỉ cụ thể của anh L tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ (nước Mỹ) để cung cấp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ về thông tin, địa chỉ cụ thể của anh L tại nước ngoài qua bà Trần Thị C (mẹ đẻ anh L), địa chỉ: xóm D, xã T, huyện H, tỉnh Nghệ An để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh L có hai con chung là cháu Hồ Khánh D, sinh ngày 02/7/2013 và cháu Hồ Huyền A1, sinh ngày 24/9/2018. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với chị Vân A. Nay ly hôn, chị Vân A đề nghị Tòa án giao hai cháu Khánh D và Huyền A1 cho chị Vân A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Hồ Đức L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Hồ Đức L vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Theo kết quả xác minh tại Công văn số 1303/QLXNC – Đ1 ngày 04/4/2025 của Phòng Q, Công an tỉnh N thì: “Anh Hồ Đức L, sinh ngày 04/02/1988 đã xuất cảnh ngày 17/7/2024 qua cửa khẩu S, hiện chưa có thông tin nhập cảnh của đương sự”. Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn đề nghị gia đình anh Long cung C1 thông tin, địa chỉ của anh L ở nước ngoài; Quyết định đưa vụ án ra xét xử... nhưng anh L vẫn không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến để giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại đơn trình bày đề ngày 03 tháng 4 năm 2025 của bà Trần Thị C (mẹ đẻ của anh Hồ Đức L) trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Hồ Đức L, sinh năm 1988; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm D, xã T (xã H cũ), huyện H, tỉnh Nghệ An. Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp thông tin địa chỉ của anh

Hồ Đức L và các nội dung khác liên quan đến vụ án ly hôn giữa chị Ngô Thị Vân A và anh Hồ Đức L của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Đối với việc ly hôn giữa anh Hồ Đức L và chị Ngô Thị Vân A thì bà có ý kiến như sau: chị Ngô Thị Vân A và anh Hồ Đức L có đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2012 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Tháng 7/2024, anh L xuất cảnh đi lao động tại nước Mỹ cho đến nay. Bà được biết nhiều năm trôi qua giữa anh L và chị Vân A có nảy sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng, tuy nhiên nguyên nhân của việc mâu thuẫn là gì thì bà không rõ. Sau khi sang Mỹ, anh L thường xuyên liên lạc với bà qua qua điện thoại để trao đổi cuộc sống và công việc. Tuy nhiên, anh L không cung cấp thông tin địa chỉ cụ thể của anh L tại nước ngoài nên bà C không biết địa chỉ của anh L tại nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Qua liên lạc, anh L biết việc ly hôn của chị Vân A và anh L cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh L và chị Vân A có 02 con chung là cháu cháu Hồ Khánh D, sinh ngày 02/7/2013 và cháu Hồ Huyền A1, sinh ngày 24/9/2018. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với chị Vân A nên bà và anh L cũng thống nhất về việc giao 02 con chung cho mẹ đẻ là chị Ngô Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 122, 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Ngô Thị Vân A được ly hôn với anh Hồ Đức L.

+ Về con chung: Giao con chung Hồ Khánh D, sinh ngày 02/7/2013 và Hồ Huyền A1, sinh ngày 24/9/2018 cho chị Ngô Thị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hồ Đức L do chị Vân A chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thị Vân A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 14 tháng 3 năm 2025, chị Ngô Thị Vân A có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Hồ Đức L. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì chị Ngô Thị Vân A và anh Hồ Đức L đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm D, xã T (xã H cũ), huyện H, tỉnh Nghệ An nhưng từ tháng 7 năm 2024 thì anh L đã đi xuất khẩu lao động ở H chúng quốc H (nước Mỹ) đến nay chưa về. Theo kết quả xác minh tại Phòng Q, Công an tỉnh N thì anh Hồ Đức L đã xuất cảnh qua Cửa khẩu Sân bay quốc tế S, hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hồ Đức L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Anh L vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm D, xã T (xã H cũ), huyện H, tỉnh Nghệ An nhưng từ tháng 7 năm 2024 thì anh L đã đi xuất khẩu lao động tại H chúng quốc Hoa Kỳ, không có mặt tại địa phương mà không thông báo địa chỉ nơi cư trú hiện nay. Tòa án đã có công văn yêu cầu cung cấp địa chỉ anh L ở nước ngoài nhưng theo bà Trần Thị C (mẹ đẻ anh L) thì anh L tuy vẫn có liên hệ với gia đình và đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Vân A nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ cụ thể, không gửi lời khai về nên gia đình không có đề cung cấp cho Tòa án. Do đó, cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Vân A:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Ngô Thị Vân A và anh Hồ Đức L được xác lập trên cơ sở do hai người tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hoà thuận nhưng hạnh phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do hai anh chị có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, sau khi anh L đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài thì tình trạng vợ chồng càng trở nên trầm trọng, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm lẫn nhau cả về đời sống vật chất lẫn tinh thần. Quá trình giải quyết vụ án, anh L lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì về phương án khắc phục tình trạng vợ chồng. Hội đồng xét thấy, thời gian vợ chồng chung sống với nhau là không dài nhưng đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu dẫn đến sống ly thân, mà cả hai bên đương sự đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, bị đơn anh Hồ Đức L hiện đang sinh sống tại nước ngoài còn nguyên đơn chị Vân A vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Vân A yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo lời khai của chị Vân A và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện chị Vân A và anh L có hai con chung là cháu: Hồ Khánh D, sinh ngày 02/7/2013 và cháu Hồ Huyền A1, sinh ngày 24/9/2018. Hiện nay đang ở cùng mẹ là chị Vân A và được chị Vân A chăm sóc nuôi dưỡng, học tập ổn định. Nay ly hôn, chị Vân A có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi anh L đi xuất khẩu lao động đến nay, cả hai cháu Khánh D và Huyền A1 đã sinh sống cùng chị Vân A, được chăm sóc và phát triển hoàn toàn bình thường. Mặt khác, anh L hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, bà C (mẹ đẻ anh L) không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi cư trú của anh L tại nước ngoài và anh L cũng không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Vân A nên cần giao cả hai cháu Hồ Khánh D và Hồ Huyền A1 cho chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu, hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, điều kiện hoàn cảnh của các bên, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Chị Vân A xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án chưa xem xét.

Anh L không trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên có quyền đi lại thăm nom con chung; không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, chị Vân A không yêu cầu Toà án giải quyết, anh L cũng chưa có ý kiến gì nên Toà án chưa có cơ sở xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị Ngô Thị Vân A phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Vân A.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Ngô Thị Vân A được ly hôn với anh Hồ Đức L.

2. *Về quan hệ con chung*: Giao hai con chung là Hồ Khánh D, sinh ngày 02/7/2013 và Hồ Huyền A1, sinh ngày 24/9/2018 cho chị Ngô Thị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Ngô Thị Vân A không yêu cầu và anh Hồ Đức L chưa có ý kiến nên Toà án chưa xem xét.

Anh Hồ Đức L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Hồ Đức L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị Ngô Thị Vân A không yêu cầu và anh Hồ Đức L chưa có ý kiến gì nên Toà án không xem xét. Dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo Biên lai số 000003475353 ngày 27 tháng 03 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau: Chị Ngô Thị Vân A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, anh Hồ Đức L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Thịnh Mỹ (xã Hưng Thịnh cũ), huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (theo Giấy ĐKKH số 55/2012 ngày 24/12/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nga